

Bản án số: 44/2018/HSPT

Ngày: 19-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thế - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2017/HSPT ngày 03/7/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại và đại diện theo ủy quyền của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Văn T1, tên gọi khác: không có; sinh năm 1993 tại xã T, huyện Y; nơi đăng ký HKTT: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: 122091***; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1970) và bà Doãn Thị Q (sinh năm 1975); có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1993 và chưa có con; tiền sự: Quyết định số 98/QĐ-XPHC ngày 11/7/2012, Trưởng Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: không; Bị cáo đầu thú, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

**** Người tham gia tố tụng có kháng cáo:***

- Người bị hại: Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1996.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: bà Dương Thị N, sinh năm 1960 (theo Giấy khai sinh là năm 1952); có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Hoàng Trọng N - Trợ giúp viên pháp lý và ông Dương Minh K – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang; có mặt.

* *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Huy H1, sinh năm 1995 - (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đinh Xuân H2, sinh năm 1996 - (vắng mặt) .

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990 - (có mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang)

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989 - (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Phạm Công Đ2, sinh năm 1995 - (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Khắc Đ1, sinh năm 1994 - (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1993 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 - (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

7. Bà Dương Thị N, sinh năm 1960 (theo Giấy khai sinh là năm 1952). Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 03/KSĐT ngày 05/01/2017 của VKSND huyện Y và bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 21 giờ 00 ngày 18/02/2013, có người tự xưng là “*Mất to*” đàn em của C (Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang) điện thoại cho Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993 ở thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc

Giang nói “*Anh ra ngay ngã ba S gặp em, nếu không em vào tận nhà*”. T1 đã đi về nhà bố đẻ là ông Nguyễn Văn N lấy 01 bao tơ dứa bên trong có 01 kiếm, 01 phớ do T1 nhặt được ở đường từ mấy hôm trước và lấy 03 con dao quắm của ông N cho vào bao tơ dứa rồi để vào sườn xe mô tô đi lên ngã ba S. Trên đường đi T1 gọi điện thoại cho Phạm Công Đ2, sinh năm 1995 ở thôn C, xã T, huyện Y bảo lên cổng nhà ông Th sau Ủy ban nhân dân xã T chờ ở đó để đi đánh nhau với đàn em của C, Đ đồng ý. Sau đó, T1 đi đến quán điện tử nhà anh D ở khu vực ngã ba thôn S, xã T rủ Nguyễn Khắc Đ1, sinh năm 1994, Nguyễn Xuân Q sinh năm 1993 đều ở thôn D, xã T, huyện Y đi đánh nhau thì Đ1, Q đồng ý, T1 đèo Đ1, Q đi ra đường đến cổng nhà ông Th sau Ủy ban nhân dân xã T thì gặp Đ2 đứng chờ ở đó. T1 tiếp tục gọi điện thoại cho Phạm Văn H, sinh năm 1989 ở thôn S, xã T nói với H “*vừa bị đàn em C gọi điện hẹn em ra ngã ba để nói chuyện, nó dọa chắc muốn đánh em*” và bảo H đón Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990 ở thôn C, xã T đi lên đằng sau ủy ban nhân dân xã T để cùng T1 đi đánh nhau. H đồng ý và khoảng 30 phút sau, H chở T2 đến chỗ T1 hẹn. Khi đã đông đủ, T1 bỏ bao tơ dứa ra lấy đưa cho Đ1 01 dao quắm, đưa cho Q 01 dao quắm và đưa cho Đ 01 kiếm, T1 chặt 01 đoạn gậy từ cây xoan ở gần đó đưa cho H và đưa cho T2 01 dao phớ, còn T1 cầm 01 dao quắm. Sau đó T1 bảo cả nhóm đi ra cổng trường Trung học cơ sở xã T chờ để đánh nhóm thanh niên xã Đ, tất cả đều đồng ý. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Nguyễn Huy H1, sinh năm 1994 ở thôn T, xã Đ, huyện Y điều khiển xe Wave màu xanh, biển kiểm soát 98L3-32** chở Đinh Xuân H2, sinh năm 1996 ở thôn T, xã Đ ngồi giữa; Nguyễn Thái T, sinh năm 1996 ở thôn Đ, xã B ngồi sau đi trước từ hướng C đến; Còn Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1975 ở thôn H, xã P điều khiển chở Nguyễn Văn T3, sinh năm 1994 ở phố G, thị trấn B ngồi giữa, Đào Ngọc L ngồi sau đi sau xe của H1. Khi T1 thấy xe của H1 đi đến thì hô “*à đây rồi*”, đồng thời T1 cầm con dao quắm cùng T2, Đ1, Đ2, Q, H chạy từ trong đường nhánh ra đường TL292 để chặn đánh H, H, T. T1 xông đến vị trí xe mô tô của H1 đang đi chậm ở phần đường bên phải (theo hướng C đi ngã ba T) rồi cầm con dao quắm bằng 2 tay chém 1 phát về phía sau lưng của Nguyễn Thái T nhưng T1 không xác định được là có trúng hay không. Thấy xe của H1, H2, T bị chặn đánh thì Đ đã lái xe chở T3 và L bỏ chạy. Lúc này, Nguyễn Thái T đã nhảy ra khỏi xe, còn H2 và H1 vẫn ngồi trên xe, H2 nhận ra T1 cầm dao chém về phía H2 nhiều nhất nhưng H2 chỉ xác định được đã bị T1 chém sượt vào hàm trái và bờ ngoài bàn tay trái của H2, H2 chỉ kịp nhào người về phía trước thì cả H2 và H1 bị ngã xuống đường bị đổ xe máy. Khi H2 vừa đứng dậy thì bị H cầm gậy vụt một cái ngang người trúng vào cánh tay trái của H2. H2 lùi lại thì bị T1 lao vào dùng dao chém tiếp về phía H2 nhưng không trúng, H2 bỏ chạy theo hướng đi B. Còn H1 khi bị ngã, vừa đứng dậy thì bị một người ở phía sau lưng

chém một nhát về phía đầu, H1 dơ tay phải lên đỡ thì bị dao chém trúng, H1 bỏ chạy về hướng đi C thì T1 đuổi theo chém nhưng không trúng, H1 tiếp tục chạy thì T2 cầm dao đuổi theo và chém một nhát vào lưng làm H1 bị thương ngã xuống đường. T chạy quay lại hướng đi C được khoảng 3m thì bị T1 cầm dao đuổi theo chém một nhát về phía đầu, T dơ tay phải đỡ nên nhát chém đó trúng vào tay phải của T. Lúc đó H xông đến cách T khoảng 1 mét đến 02 mét dùng gậy vọt một phát theo hướng từ trên xuống, chéo từ phải qua trái về phía cổ của T, T dơ tay trái lên đỡ thì nhát vọt đó trúng vào tay trái, H vọt phát thứ hai trúng vào vai trái của T. Sau đó T1, H, Đ1, Q, Đ2 tiếp tục đuổi đánh H2 thì T1 nghe thấy T2 ở vị trí xe đồ gọi “chúng mày ơi, quay lại đây, chúng nó đây rồi” nên T1 quay lại chỗ T2 thấy Đào Ngọc L, sinh năm 1992 ở thôn T, xã H, Đào Sĩ Ng, sinh năm 1980 ở phố Đ, thị trấn C và Nguyễn Văn C (CT) đang đứng đối diện với T2, T1 định dơ dao chém C thì L can nên T1 không chém nữa. Sau đó H2, H1, T được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện Y cấp cứu.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 426/CN ngày 20/02/2013 của Bệnh viện đa khoa huyện Y xác định anh Nguyễn Thái T vào viện khám ngày 18/02/2013 với tình trạng “Tĩnh, đau tại các vết thương; Khám: Bàn tay phải có các vết thương đứt ngón III, dập nát da mặt trong ngón II, dập mặt sau ngoài đốt 3 ngón IV; Mu tay trái nề có nhiều vết xước da; Gò má phải nề tím, có vết xây xước da rỉ máu; Kết quả chụp Xquang: gãy xương đốt 1, 2 ngón số II; cắt xương đốt 1 ngón số III bàn tay phải”;

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 5845/13/GDPY ngày 25/02/2013 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B đối với anh Nguyễn Thái T xác định: “Lòng bàn tay và mu tay phải có vết thương đã khâu chưa cắt chỉ dài 8cm, xung quanh xung nề. Cụt ngón 3 tay phải, mồm cụt khô. Ngón 2 bàn tay phải có vết thương đã khâu chưa cắt chỉ dài 4cm, xung quanh xung nề. Ngón 4 tay phải có vết thương đã khâu chưa cắt chỉ dài 3cm, xung quanh xung nề. Má phải có vết chọt da kích thước (1,5 x 0,3)cm đóng vảy khô. Mu tay trái có nhiều vết chọt da nông diện rộng (4,5x1,5)cm, đóng vảy khô. X - Quang: Mất đốt 2,3 và phần lớn đốt 1 ngón 3 bàn tay phải. Vỡ đốt 1,2 ngón 2 bàn tay phải. Khám thần kinh, vận động: Trong giới hạn bình thường”. Kết luận anh Nguyễn Thái T tỷ lệ tổn thương là 17%. Trong đó thương tích vết thương lòng bàn tay và mu tay phải + cụt ngón 3 tay phải là 12%, do vật sắc gây nên; Thương tích vết thương ngón 2 tay phải vỡ đốt 1, 2 ngón 2 tay phải bàn tay phải: 02%, do vật sắc gây nên; thương tích vết thương ngón 4 tay phải: 01%, do vật sắc gây nên; Thương tích chọt xước da mu tay trái: 01%, do

vật cứng gây nên; thương tích vùng má phải: 01%, do vật cứng gây nên. Tổng cộng thương tích áp dụng luật cộng lùi: $12 + 02 + 01 + 01 + 01 = 17\%$;

Hành vi của Phạm Văn H, Nguyễn Khắc Đ1, Nguyễn Xuân Q, trách nhiệm dân sự cũng như vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Y và Bản án số 103/2013/HSPT ngày 10/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hành vi của Phạm Công Đ2 đã bị xử lý tại Bản án số 61/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Y; Hành vi của Nguyễn Văn T2 đã bị xử lý tại bản án số 38/2014/HS-ST ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Nguyễn Văn T1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 01/7/2015, T1 đến Công an tỉnh Lâm Đồng đầu thú về hành vi cố ý gây thương tích ngày 18/02/2013 tại thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 05/10/2015, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã có bản Cáo trạng số 37 truy tố Nguyễn Văn T1 về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 25/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Y đã xét xử sơ thẩm đối với Nguyễn Văn T1 về tội Cố ý gây thương tích. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo. Ngày 25/7/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra lại, yêu cầu làm rõ mức độ gây thương tích của Nguyễn Văn T1 cho Nguyễn Thái T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 128/16/TgT ngày 03/11/2016 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Thái T là 18% (Mười tám phần trăm). Trong đó: Sẹo mặt ngoài đốt 3 ngón II bàn tay phải: 1%; Gãy đốt 1 ngón II bàn tay phải: 2%; Gãy đốt 2 ngón II bàn tay phải 1%; Cứng liên đốt 1-2 ngón II bàn tay phải 3%; Mất đốt 2-3 ngón III bàn tay phải: 6%; Sẹo phức tạp mồm cắt phần mu tay ngón III bàn tay phải 3%; Sẹo vùng đốt 2-3 ngón IV bàn tay phải 1%; Cứng liên khớp đốt 2-3 ngón IV bàn tay phải 1%. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật sắc tác động gây nên.

Do kết luận giám định thương tích số: 128/16/TgT ngày 03/11/2016 của Viện pháp y Quốc gia không thể hiện thương tích chột sước da mu tay trái: 01%, do vật cứng gây nên; thương tích vùng má phải: 01% do vật cứng gây nên, theo Bản kết luận giám định pháp y số 5845/13/GĐPY ngày 25/02/2013 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận đối với anh Nguyễn Thái T. Ngày 14/11/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có Công văn số 309 đề nghị Viện pháp y Quốc gia giải thích rõ đối với các thương tích kể trên. Ngày 23/11/2016, Viện pháp y Quốc gia có công văn số: 372/PYQG-CV giải thích làm

rõ thêm đối với thương tích của anh Nguyễn Thái T: Tại thời điểm xảy ra sự việc, khi vào viện vùng mu tay trái và gò má phải của anh Nguyễn Thái T trong Giấy chứng nhận thương tích số 426 ngày 20/02/2013 của Bệnh viện đa khoa huyện Y chỉ được ghi nhận: “ Mu tay trái nề, có nhiều vết xước da. Gò má phải nề tím, có vết xây sát da rỉ máu”. Đây là những thương tích rất nhẹ thông thường sau khoảng 1 tháng là khỏi và không để lại dấu tích cũng như di chứng. Do đó, tại thời điểm giám định (sau hơn 3 năm xảy ra sự việc) vùng mu tay trái và gò má phải của nạn nhân không thấy còn dấu tích cũng như di chứng của vết thương nên không xếp tỉ lệ và không có cơ sở khoa học để xác định chính xác cơ chế hình thành dấu vết thương tích.

Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT ngày 05/01/2017 của VKSND huyện Y đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng khoản 2 Điều 104; Điều 20; Điều 53; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS:

- Xử phạt: Nguyễn Văn T1 02 (Hai) năm 10 (mười) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt thi hành án.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 28; Điều 191 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 305; các Điều 584; Điều 585; Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 42 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc Nguyễn Văn T1 phải bồi thường cho anh Nguyễn Thái T tiền viện phí, tiền chụp X.quang, tiền ăn, tiền công mất thu nhập, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền thuê xe và khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần tổng cộng là 24.025.000đ (Hai mươi bốn triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn đồng);

- Buộc Nguyễn Khắc Đ1, Nguyễn Xuân Q, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T2 và Phạm Công Đ2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thái T một khoản tiền bồi dưỡng thêm về sức khỏe và một khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần, cụ thể:

Nguyễn Văn T2 và Phạm Công Đ2 mỗi người phải bồi thường cho anh T số tiền 6.033.000đ; Nguyễn Khắc Đ1, Nguyễn Xuân Q, Phạm Văn H mỗi người còn phải bồi thường tiếp cho anh T số tiền 3.033.000đ.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong:

- Ngày 23/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Y nhận được đơn kháng cáo của bà Dương Thị N là đại diện theo ủy quyền của người bị hại Nguyễn Thái T chuyển đến theo dịch vụ bưu chính. Nội dung kháng cáo của bị hại là hành vi của bị cáo T1 là cố ý giết người, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm; đề nghị trưng cầu Viện pháp y quốc gia giám định lại thương tích ở mu tay trái và gò má của người bị hại; đề nghị xác minh quá trình điều trị của bị hại tại bệnh viện đa khoa huyện Y và bệnh viện Việt Đức Hà Nội; đề nghị xác định tư cách bị đơn dân sự đối với các đối tượng Đ1, H, Q, T2, Đ2; Cấp sơ thẩm tuyên mức bồi thường là quá thấp, không tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội và hậu quả đã gây ra cho bị hại, đề nghị tăng mức bồi thường dân sự cho bị hại.

- Ngày 05/6/2017 bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp đơn kháng cáo tại Tòa án nhân dân huyện Y. Nội dung kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt chính và xin giảm mức bồi thường.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, lý do: Gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính. Sau khi sự việc xảy ra có thiện chí sang gặp gia đình bị hại để xin lỗi và bồi thường dân sự nhưng do gia đình bà N đòi hỏi cao nên không đáp ứng được. Bị cáo đã bồi thường cho anh H2 và được xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đã biết hành vi là sai trái và cũng muốn đi chấp hành án để sớm trở về giúp đỡ gia đình. Bị cáo bị xét xử là đúng người đúng tội, không oan sai gì. Sau khi xét xử bị cáo cũng chưa gặp bị hại để bồi thường được. Bị cáo không chấp nhận kháng cáo của bị hại, xin HĐXX xem xét mức bồi thường bị hại nêu là cao, không có khả năng bồi thường, xin giảm còn 15 triệu đồng và sẽ đi làm để trả sau. Bị cáo không có tài liệu gì khác cung cấp cho HĐXX.

- Đại diện bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lý do kháng cáo như trong đơn kháng cáo nộp cho Tòa án. Chi phí điều trị cho bị hại là rất lớn nhưng cũng chỉ yêu cầu các bị cáo gây thương tích cho bị hại phải bồi thường 50.000.000 đồng/ 1 bị cáo. Nếu các bị cáo đồng ý thỏa thuận thì chấp nhận mức bồi thường 30.000.000 đồng/ 1 bị cáo.

- Anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Tôi không đồng ý với việc buộc tôi phải bồi thường dân sự cho bị hại Nguyễn Thái T vì quá trình xét xử trước đó gia đình bị hại

T đã không yêu cầu bồi thường dân sự đối với tôi. Tôi không chấp nhận kháng cáo của bị hại về bồi thường dân sự. Tôi có nhận được bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 do cán bộ trại giam đưa cho nhưng không kháng cáo vì đang bị tạm giam trong vụ án khác, không có điều kiện kháng cáo. Thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, tôi đã bị bắt tạm giam nên không được tham gia phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại được nộp cho TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Đại diện bị hại không có tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho HĐXX xem xét. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Anh Nguyễn Văn T2 tranh luận: Tôi không đồng ý với việc buộc tôi phải bồi thường dân sự cho bị hại Nguyễn Thái T vì quá trình xét xử năm 2014 gia đình bị hại đã không yêu cầu bồi thường dân sự đối với tôi, tại sao bản án này lại buộc tôi phải bồi thường 6.033.000 đồng. Đề nghị HĐXX xem xét lại cho tôi.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng trong giải quyết vụ án. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với các đối tượng Đ1, Q, H, T2, Đ2 là không đúng mà phải là bị đơn dân sự. Trong các đối tượng gây thương tích cho bị hại và bị xét xử thì có Phạm Công Đ2 chưa 18 tuổi khi gây án, cấp sơ thẩm không triệu tập bố, mẹ của Đ2 tham gia tố tụng để xem xét và trách nhiệm bồi thường dân sự là không đảm bảo quyền lợi cho người bị hại và việc giải quyết vụ án được toàn diện. Hành vi của bị cáo T1 là rất nguy hiểm, sử dụng lực của 2 tay cầm dao quắm chém từ trên xuống đầu bị hại 3 lần liên tiếp, hậu quả chết người không xảy ra là do bị hại may mắn. Việc xử lý bị cáo về hành vi “Cố ý gây thương

tích” là chưa đúng tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Nếu vẫn truy cứu thì cũng phải xem xét áp dụng các tình tiết tại các điểm a, điểm b, điểm i, khoản 1, Điều 104- BLHS để xét xử bị cáo. Về kết luận giám định thương tích đối với bị hại chưa đầy đủ, không đảm bảo quyền lợi cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự theo đơn của bị hại nêu trong quá trình giải quyết vụ án là 399.128.000 đồng thì đề nghị HĐXX chấp nhận các khoản chi phí hợp lý. Ngoài ra anh Nguyễn Văn T2 khai bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2017 trước khi xét xử sơ thẩm nhưng trong hồ sơ vẫn thể hiện việc cấp sơ thẩm giao văn bản tố tụng cho anh T2 tại gia đình. Từ những nội dung trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Đại diện bị hại tranh luận: Không nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu tại phiên tòa, nhất trí quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Ý thức chủ quan của các bị cáo là đi đánh nhau, không có mục đích giết người, hậu quả chết người không xảy ra, do đó việc truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm là đúng; không có căn cứ chấp nhận áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 104- BLHS của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đã nêu vì thông tư 01 hướng dẫn về tỷ lệ thương tích đã nêu rõ trường hợp nào thuộc khoản 1, trường hợp nào thuộc khoản 2. Về trách nhiệm dân sự chỉ chấp nhận bồi thường chi phí hợp lý, không bồi thường tiền thuê luật sư. Về tổng đạt văn bản tố tụng có thể nhầm lẫn về địa chỉ nơi tổng đạt nhưng quan trọng là người được tổng đạt có nhận được văn bản tố tụng. Việc không triệu tập bố, mẹ anh Phạm Công Đ2 tham gia tố tụng là không ảnh hưởng quyền lợi bị hại vì quá trình giải quyết xét xử vụ án sau này anh Phạm Công Đ2 đã trên 18 tuổi.

- Kết thúc tranh luận các bên vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết sai, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo để chấp hành án sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại (do bà Dương Thị N đại diện theo ủy quyền) được nộp cho Tòa án nhân dân huyện

Y, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm, theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại (do bà Dương Thị N đại diện theo ủy quyền) theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Phiên tòa đã được mở nhiều lần, những người tham gia tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 351- Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T1: Khoảng 21 giờ 00 ngày 18/02/2013, có người tự xưng là “*Mắt to*” đàn em của C điện thoại cho Nguyễn Văn T1 nói “*Anh ra ngay ngã ba S gặp em, nếu không em vào tận nhà*”. Nguyễn Văn T1 đã đi về nhà bố để lấy 01 bao tơ dưa bên trong có 01 kiếm, 01 phớ do T1 nhặt được ở đường từ mấy hôm trước và lấy 03 con dao quắm của ông Nguyễn Văn N cho vào bao tơ dưa rồi để vào sườn xe mô tô đi lên ngã ba S. Trên đường đi Nguyễn Văn T1 gọi điện thoại rủ Phạm Công Đ2, Nguyễn Khắc Đ1, Nguyễn Xuân Q, Phạm Văn H và Nguyễn Văn T2 đi lên đằng sau Ủy ban nhân dân xã T để cùng đi đánh nhau. Khi đã đông đủ, Nguyễn Văn T1 bỏ bao tơ dưa ra lấy đưa cho Đ1 01 dao quắm, đưa cho Q 01 dao quắm và đưa cho Đ2 01 kiếm, Nguyễn Văn T1 chặt 01 đoạn gậy từ cây xoan ở gần đó đưa cho H và đưa cho T2 01 dao phớ, còn Nguyễn Văn T1 cầm 01 dao quắm. Sau đó T1 bảo cả nhóm đi ra công trường Trung học cơ sở xã T chờ để đánh nhóm thanh niên xã Đ, tất cả đều đồng ý. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Nguyễn Huy H1, Đinh Xuân H2, Nguyễn Thái T đi 1 xe mô tô từ hướng Cầu Gò đến; Còn Hoàng Trọng Đ, Nguyễn Văn T, Đào Ngọc L ngồi sau đi xe của Nguyễn Huy H1. Khi Nguyễn Văn T1 thấy xe của H1 đi đến thì hô “*À đây rồi*”, đồng thời Nguyễn Văn T1 cầm con dao quắm cùng T2, Đ1, Đ2, Q, H chạy từ trong đường nhánh ra đường TL292 để chặn đánh H1, H2, T. Nguyễn Văn T1 xông đến vị trí xe mô tô của H1 đang đi chậm ở phần đường bên phải (theo hướng CG đi ngã ba TS) rồi cầm con dao quắm bằng 2 tay chém 1 phát về phía sau lưng của Nguyễn Thái T nhưng T1 không xác định được là có trúng hay không. Nguyễn Thái T chạy quay lại hướng đi CG được khoảng 3m thì bị Nguyễn Văn T1 cầm dao đuổi theo chém một nhát về phía đầu, Nguyễn Thái T dơ tay phải đỡ nên nhát chém đó trúng vào tay phải của T. Lúc đó Phạm Văn H xông đến cách Nguyễn Thái T khoảng 1 mét đến 02 mét dùng gậy vục một phát theo hướng từ trên xuống, chéo từ phải qua trái về phía cổ của T, T dơ tay trái nên đỡ thì nhát vục đó trúng vào tay trái, H vục phát thứ hai trúng vào vai trái của T. Tại Bản kết luận

giám định pháp y về thương tích số: 128/16/TgT ngày 03/11/2016 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Thái T là 18% (Mười tám phần trăm). Ngoài ra Nguyễn Văn T1 và đồng phạm còn gây thương tích 10% cho Nguyễn Huy H1, gây thương tích 10% cho Đinh Xuân H2. Từ những nội dung trên cấp sơ thẩm xét xử, kết luận bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2, Điều 104 - BLHS với các tình tiết quy định tại điểm a, điểm i, khoản 1, Điều 104 - BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Do đó HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại và quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích của bị hại về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

[4]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy: Tòa án sơ thẩm đã xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48- BLHS là đúng. Tòa án sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bồi thường khắc phục hậu quả”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” tại điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46- Bộ luật Hình sự là đúng.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn 02 năm 10 tháng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó HĐXX phúc thẩm căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356-Bộ luật Tổ tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử về tội danh, hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Xét nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái T thấy:

- Về việc hủy án sơ thẩm đề giám định bổ sung: Do kết luận giám định thương tích số: 128/16/TgT ngày 03/11/2016 của Viện pháp y Quốc gia không thể hiện thương tích chọt sước da mu tay trái: 01%, do vật cứng gây nên; thương tích vùng má phải: 01% do vật cứng gây nên, theo Bản kết luận giám định pháp y số 5845/13/GDPY ngày 25/02/2013 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận đối với anh Nguyễn Thái T. Ngày 14/11/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có Công văn số 309 đề nghị Viện pháp y

Quốc gia thích rõ đối với các thương tích kể trên. Ngày 23/11/2016, Viện pháp y Quốc gia có công văn số: 372/PYQG-CV giải thích làm rõ thêm đối với thương tích của anh Nguyễn Thái T: Tại thời điểm xảy ra sự việc, khi vào viện vùng mu tay trái và gò má phải của anh Nguyễn Thái T trong Giấy chứng nhận thương tích số 426 ngày 20/02/2013 của Bệnh viện đa khoa huyện Y chỉ được ghi nhận: “ Mu tay trái nề, có nhiều vết xước da. Gò má phải nề tím, có vết xây sát da rỉ máu”. Đây là những thương tích rất nhẹ thông thường sau khoảng 1 tháng là khỏi và không để lại dấu tích cũng như di chứng. Do đó, tại thời điểm giám định (sau hơn 3 năm xảy ra sự việc) vùng mu tay trái và gò má phải của nạn nhân không thấy còn dấu tích cũng như di chứng của vết thương nên không xếp tỉ lệ và không có cơ sở khoa học để xác định chính xác cơ chế hình thành dấu vết thương tích. Do đó không có căn cứ chấp nhận quan điểm kháng cáo của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc hủy án sơ thẩm để giám định lại thương tích của bị hại Nguyễn Thái T.

- Về xác minh quá trình điều trị của bị hại Nguyễn Thái T tại Bệnh viện đa khoa huyện Y và Bệnh viện Việt Đức - Hà Nội: Vụ án giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự nên trách nhiệm chứng minh tội phạm, thiệt hại xảy ra, lỗi của bị can, bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi tội phạm, các chi phí hợp lý cho việc cấp cứu, điều trị để từ đó xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự là nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng. Người bị hại không buộc phải chứng minh thiệt hại như trong tố tụng dân sự. Khi người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có yêu cầu thì cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành các hoạt động điều tra xem xét để làm rõ. Trong vụ án này Tòa án sơ thẩm có yêu cầu người bị hại và đại diện theo ủy quyền cung cấp tài liệu chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không tiến hành hoạt động điều tra xác minh mà đã căn cứ vào tài liệu có được trong hồ sơ để giải quyết là không tuân thủ các hướng dẫn tại điểm b, mục 3, phần I; điểm b, mục 1 và điểm b, mục 2, phần II của Công văn 121/2013/KHXX ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tòa án sơ thẩm đã buộc anh Phạm Công Đ2 cùng các đồng phạm khác có nghĩa vụ bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Thái T. Tuy nhiên qua các tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy: anh Phạm Công Đ2, sinh ngày 01/7/1995. Hành vi phạm tội được thực hiện ngày 18/02/2013 khi đó anh Đ2 chưa đủ 18 tuổi. Từ những nội dung trên nhận thấy việc cấp sơ thẩm triệu tập anh Phạm Công Đ2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời buộc anh Đ2 có nghĩa vụ bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Thái T là không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì khi anh Đ2 cùng với đồng phạm thực

hiện hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Thái T là ngày 18/02/2013 khi đó anh Đ2 chưa đủ 18 tuổi. Việc bồi thường dân sự phải căn cứ vào năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân được quy định tại Điều 606, Bộ luật Dân sự năm 2005 (theo Bộ luật Dân sự năm 2015 là Điều 586). Cấp sơ thẩm chưa xem xét và triệu tập cha, mẹ của anh Phạm Công Đ2 tham gia tố tụng để giải quyết trách nhiệm dân sự là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến không đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vấn đề này cấp phúc thẩm không xem xét bổ sung được. Do cấp sơ thẩm điều tra về bồi thường dân sự chưa đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần chấp nhận quan điểm kháng cáo của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Áp dụng điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 358-Bộ luật tố tụng hình sự, hủy phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Do hủy phần bồi thường dân sự của bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 về xin giảm mức bồi thường dân sự không đặt ra giải quyết. Trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Văn T1 và các đối tượng có liên quan trong vụ án sẽ được xem xét giải quyết lại. Trong quá trình giải quyết lại vụ án về trách nhiệm bồi thường dân sự, cấp sơ thẩm cần xem xét xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của những người có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra cần xem xét lại quá trình giao nhận văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng trong vụ án như trường hợp của anh Nguyễn Văn T2 đã nêu có sự nhầm lẫn về nơi thực hiện việc giao văn bản tố tụng.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135- Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, điểm c, khoản 1, Điều 355; Điều 356; điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 358-Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, bị hại Nguyễn Thái T (do bà Dương Thị N đại diện theo ủy quyền) về tội danh, hình phạt đối với bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang về tội danh, hình phạt.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, Điều 104 (các tình tiết quy định tại điểm a, điểm i, khoản 1, Điều 104); điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 – BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[2]. Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thái T (do bà Dương Thị N đại diện theo ủy quyền) về phần giải quyết trách nhiệm bồi thường dân sự của vụ án.

- Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang về giải quyết trách nhiệm bồi thường dân sự.

- Giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang điều tra, giải quyết lại trách nhiệm bồi thường dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135- Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng